

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Phượng

Bà Hoàng Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1981;

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Số nhà 122, đường T, phố P, Phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Chị N có mặt; anh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường P vào ngày 24/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi vã và mỗi lần cãi vã anh H lại đánh chị. Chị cũng đã nhiều lần nộp đơn ra Tòa án để được ly hôn với anh H, tuy nhiên những lúc như vậy anh H lại xin tha thứ để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Do con còn bé, chị không muốn làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu nên đã rút đơn với hi

vọng anh H thay đổi, nhưng anh H vẫn chứng nào tật đấy, không thay đổi. Hiện tại, hai vợ chồng tuy vẫn chung sống cùng nhà, nhưng không còn quan hệ tình cảm với nhau, cũng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hiền.

* Về con chung: Chị và anh H có một con chung là cháu Trịnh Tú A; sinh ngày: 19/5/2019. Hiện nay, cháu Tú A do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Văn H trình bày: Anh xác nhận thời gian và địa điểm kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng vẫn sống vui vẻ, hạnh phúc tuy nhiên cũng không tránh khỏi những lúc vợ chồng xô sát, cãi vã. Nhưng theo quan điểm của anh thì đó cũng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, còn đối với chị N lại là mâu thuẫn lớn không thể hàn gắn được. Chị N cũng đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án. Tuy nhiên, do con còn bé, anh cũng nhiều lần xin chị N cho anh cơ hội để vợ chồng hàn gắn cùng nuôi dạy con chung trưởng thành. Nhưng đến nay, chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh cảm thấy tình trạng trên cứ tiếp tục kéo dài thì sẽ rất mệt mỏi, anh cũng cố hàn gắn nhưng không được nên chị N đã kiên quyết ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung như chị N trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng: Anh và chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật; Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập họp lệ.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N. Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trịnh Văn H

2. Giao cháu Trịnh Tú A, sinh ngày 19/5/2019 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi cháu A đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Trịnh Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn; bị đơn anh Trịnh Văn H cư trú tại phố P, phường P, thành phố N; Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh H là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh H vắng mặt lần thứ nhất và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trịnh Văn H có đăng ký kết hôn ngày 24/7/2018 tại UBND phường P, thành phố N. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện: Sau khi kết hôn anh chị chung sống được hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô sát, thậm chí anh H còn thường xuyên đánh chị trong những lúc cãi nhau. Sau mỗi lần xô sát, anh H chị lại là mâu thuẫn lớn, không thể hàn gắn được nên trong năm 2021, chị đã 3 lần làm đơn xin ly hôn anh H tại Tòa án và đã được Tòa án thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, mỗi lần như vậy, anh H lại ngọt nhạt xin chị cho cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Những lần như vậy, do nghĩ đến con còn nhỏ nên chị đã rút đơn với hi vọng vợ chồng đoàn tụ và cũng là cho anh H cơ hội sửa đổi. Nhưng anh H vẫn chứng nào tật đấy, không chịu thay đổi nên lần này chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa nên chị kiên quyết ly hôn với anh H. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện quá trình vợ chồng chị N, anh H chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, xô sát nhưng sự việc cũng chưa lớn đến mức mà chính quyền địa phương phải can thiệp nên nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa phương cũng không nắm được. Quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng khẳng định cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã tuy nhiên đối với anh mâu thuẫn chưa đến mức căng thẳng, trầm trọng như chị N trình bày mà chỉ là

mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị N và muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, sau đó chị N nộp đơn xin ly hôn anh nhiều lần, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, nếu như tình trạng này cứ kéo dài thì cuộc sống sẽ rất mệt mỏi, nên chị N đã kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng không níu kéo và cũng đồng ý ly hôn với chị N. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh H đều vắng mặt, Tòa án và Hội đồng xét xử đã phân tích để chị N suy nghĩ lại nhưng chị vẫn kiên quyết ly hôn với anh H. Điều đó thể hiện cả chị N và anh H trong cuộc sống vợ chồng hàng ngày có cách nhìn nhận vấn đề đối với cùng sự việc khác nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn và cãi vã. Anh H và chị N cũng đã nhiều lần suy nghĩ về việc cho nhau cơ hội nhưng mâu thuẫn đã quá lớn cả hai không thể cùng nhau hàn gắn được nên chị N đã nhiều lần rút đơn rồi lại nộp đơn tại Tòa án, anh H cũng xác định sự việc trên dẫn đến cuộc sống hôn nhân hết sức mệt mỏi nên có thể thấy hiện tại cả anh H, chị N đều không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Như vậy, có thể khẳng định: Tuy chị N và anh H sống chung nhà, nhưng giữa hai người không còn tình cảm nữa, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh H và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là cháu Trịnh Tú A; sinh ngày: 19/5/2019. Hiện nay, cháu Tú A do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy chị N có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tú A nên giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Tú A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là đảm bảo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị N, anh H đều trình bày không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3].*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị N chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 24 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Trịnh Văn H (Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Tú A, sinh ngày 19/5/2019 kể từ tháng 01/2022 đến khi đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị N chịu án là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000648 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

5. Quyền kháng cáo: chị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/01/2022). Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình